

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2023/DSST

Ngày: 08-8-2023

*V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi
và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thạch Thị Thu Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuận;**

Ông **Nguyễn Văn Bé;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thanh Quyên-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thắng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2022/TLST-DS, ngày 14-10-2022; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2023/QĐXXST-DS, ngày 21/6/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 217/2023/QĐST-DS ngày 12/7/2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp Ch, xã Hiếu T, huyện Tiêu C, tỉnh T (Có mặt).

Bị đơn:

1. Bà Hà Mộng L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiêu C, tỉnh T (vắng mặt);

2. Ông Thạch Ma N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiêu C, tỉnh T (chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thạch Ma N:

1. Bà Hà Mộng L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiêu C, tỉnh T (vắng mặt);

2. Chị Thạch Nhung B, sinh năm 2000; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiêu C, tỉnh T (vắng mặt);

3. Thạch Hà Nhật T, sinh năm 2010; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiêu C, tỉnh T (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của Thạch Hà Nhật T: Bà Hà Mộng L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ngày 09/9/2019 ông có tham gia góp hụi loại hụi 1.000.000 đồng/tháng có 16 hụi viên cùng tham gia do bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N làm đầu thảo tổng cộng ông tham gia là 15 dây hụi, mỗi một dây hụi ông tham gia 01 phần, sau khi khui hụi ông có đóng hụi cho đầu thảo được 11 lần hụi, đến lần khui thứ 12 thì đầu thảo úp hụi

Cụ thể dây hụi ông đã tham gia và đóng hụi cho đầu thảo như sau:

1. Dây số 01 đóng 5.520.000 đồng
2. Dây số 02 đóng 5.260.000 đồng
3. Dây 3 đóng 4.830.000 đồng
4. Dây 4 đóng 4.580.000 đồng
5. Dây 5 đóng 4.630.000 đồng
6. Dây 6 đóng 4.530.000 đồng
7. Dây 7 đóng 4.510.000 đồng
8. Dây 8 đóng 4.470.000 đồng
9. Dây 9 đóng 4.400.000 đồng
10. Dây 10 đóng 4.390.000 đồng
11. Dây 11 đóng 4.390.000 đồng
12. Dây 12 đóng 4.380.000 đồng
13. Dây 13 đóng 4.380.000 đồng
14. Dây 14 đóng 4.400.000 đồng
15. Dây 15 đóng 4.540.000 đồng

Tổng cộng 15 dây hụi ông đã đóng cho đầu thảo là 69.210.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà Hà Mộng L và người thừa kế của ông Ma N gồm: Hà Mộng L; Thạch Nhung B, Thạch Hà Nhật T có nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền là 69.210.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi

Đối với tờ tường trình của bà Hà Mộng L cho rằng ông có nhận cầm cố phần đất có giá là 240.000.000 đồng là đúng, thực tế số tiền hụi bà Hà Mộng L còn nợ lại ông là 1.047.000.000 đồng – 240.000.000 đồng (tiền cầm đất) = 807.000.000 đồng, hiện số tiền mà bà Hà Mộng L còn nợ lại ông là 807.000.000 đồng, số tiền mà ông khởi kiện bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N, ông đã xem xét đến số tiền 240.000.000 đồng mà ông nhận cầm cố của bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N.

Bị đơn bà Hà Mộng L và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thạch Ma N vắng mặt không có lý do, tuy nhiên tại tờ tường trình ngày 11/11/2022 bà Hà Mộng L trình bày: Ông Nguyễn Văn M có tham gia góp hụi do bà làm đầu thảo, sau khi bẻ hụi ông M có yêu cầu bà trả tiền hụi sống, bà không có tiền nên bà có cầm đất cho ông M với số tiền là 240.000.000

đồng, số tiền này được căn trừ vào số tiền hội sống và ông M hứa sẽ không kiện bà, số tiền hội sống bà còn thiếu ông M đồng ý để cho bà trả từ từ, thỏa thuận trên có biên nhận rõ ràng. Hiện nay bà cũng đang kiện các hội viên còn thiếu để lấy tiền trả cho các hội viên còn sống. Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét khi nào bà nhận được tiền từ các hội viên mà bà đang khởi kiện thì bà sẽ trả cho ông M.

Ý kiến trình bày của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 74, 147, 227, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468, 471 và Điều 615 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội biểu phùng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M. Buộc bà Hà Mộng L cùng hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N gồm: Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (do bà Hà Mộng L làm đại diện) phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn M tổng số tiền hội còn nợ là 69.210.000.000 đồng của dây hội khai ngày 09/9/2019 loại hội 1.000.000 đồng/tháng có 16 hội viên cùng tham gia do bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N làm đầu thảo.

- Về lãi suất: do ông Nguyễn Văn M không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

- Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: danh sách 15 dây hội (dây 01; 02; 03; 04; 05; 06; 07; 08; 09; 10; 11; 12; 13; 14 và 15) khai 09/9/2019 loại hội 1.000.000 đồng/tháng khai theo vụ lúa có 16 phần do bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N làm đầu thảo.

Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: tờ tường trình và 01 giấy xác nhận ngày 28/5/2020 thể hiện người chủ nợ là Nguyễn Văn M

Những tình tiết các đương sự thống nhất và không thống nhất: Do bị đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Thạch Ma N vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử nên Hội đồng xét xử không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không

thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn bà Hà Mộng L và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Thạch Ma N gồm: bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B; Thạch Hà Nhật T và người đại diện cho Thạch Hà Nhật T là bà Hà Mộng L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn.

[2] *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Hà Mộng L và hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N gồm bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông tổng số tiền hui còn nợ là 69.210.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Hà Mộng L vắng mặt nhưng tại tờ tường trình ngày 11/11/2022 bà L thừa nhận ông Nguyễn Văn M có tham gia góp hui do bà làm đầu thảo, sau khi bẻ hui ông M có yêu cầu bà trả tiền hui sống, bà không có tiền nên bà có cầm đất cho ông M với số tiền là 240.000.000 đồng, số tiền này được cân trừ vào số tiền hui sống và ông M hứa sẽ không kiện bà, số tiền hui sống bà còn thiếu ông M cho bà trả từ từ, thỏa thuận trên có biên nhận rõ ràng. Như vậy có cơ sở xác định bà có còn nợ tiền hui của ông M.

Đối với lời trình bày của bà cho rằng ông M có nhận cầm đất của bà với giá là 240.000.000 đồng để cân trừ vào số tiền hui mà bà còn nợ tiền ông M. Phía ông M thừa nhận ông M có nhận cầm cố tài sản của bà Hà Mộng L số tiền là 240.000.000 đồng, điều này phù hợp với tờ giấy xác nhận ngày 28/5/2020 mà bà Hà Mộng L cung cấp cho Tòa án, tuy nhiên theo tờ giấy xác nhận ngày 28/5/2020 tổng số tiền mà bà Hà Mộng L nợ ông M là 1.047.000.000 đồng – 240.000.000 đồng thì bà Hà Mộng L vẫn còn nợ ông M là 807.000.000 đồng. Căn cứ vào các hồ sơ mà ông M khởi kiện bà Hà Mộng L thì tổng số tiền mà ông M khởi kiện bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N chưa đến 807.000.000 đồng. Như vậy có cơ sở xác định bà Hà Mộng L vẫn còn nợ tiền hui của ông Nguyễn Văn M là 69.210.000 đồng.

Đối với ông Thạch Ma N Mặc dù ông không trực tiếp giao dịch tiền hui với ông M, nhưng giao dịch góp hui của bà L (chủ hui) với hui viên diễn ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông Ma N, ông Ma N biết việc bà L làm chủ hui nhưng ông không có phản đối, cho nên Hội đồng xét xử có sở xác định số nợ trên là nợ chung của bà L và ông Ma N. Do quá trình tố tụng ông Ma N đã chết nên buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ma N gồm bà L, chị B và Nhật T phải có trách nhiệm trả số tiền hui cho ông M.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc bà Hà Mộng L và hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N gồm: Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 74, 147, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468, 471 và Điều 615 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui biểu phưong;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M

2. Buộc bà Hà Mộng L và hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N gồm: Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (do bà Hà Mộng L làm đại diện) phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn M tổng số tiền là 69.210.000 đồng của 15 dây hui (dây 01; 02; 03; 04; 05; 06; 07; 08; 09; 10; 11; 12; 13; 14 và 15) mở ngày 09/9/2019 loại hui 1.000.000 đồng/tháng có 16 hui viên cùng tham gia do bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N làm đầu thảo,

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N gồm: Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (do bà Hà Mộng L làm đại diện) chỉ phải thực hiện nghĩa vụ tài sản (kể cả án phí) trong phạm vi di sản mà ông Thạch Ma N chết để lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Hà Mộng L và hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N gồm: Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (do bà Hà Mộng L làm đại diện) phải chịu 3.460.500 đồng án phí

Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí; Hoàn trả số tiền 1.730.250 đồng theo biên lai thu tiền số 0011607 ngày 14-10-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiều Cần, tỉnh Trà Vinh

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiều Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiều Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bé– Trang Thị Cẩm Nhuận Thạch Thị Thu Hiền

